

BẬT CẬP TRONG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Nguyễn Hồng Chi*
Trường Đại học Tây Đô
(Email: nhchi@tdu.edu.vn)

Ngày nhận: 11/3/2022

Ngày phản biện: 12/4/2022

Ngày duyệt đăng: 29/4/2022

TÓM TẮT

Văn phòng công chứng (VPCC) là một trong hai hình thức hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng hiện nay. Việc ghi nhận sự tồn tại song song với mô hình Phòng công chứng, nhà nước đang dần rút khỏi hoạt động cung ứng dịch vụ công chứng, mà “nhường” cho các tổ chức ngoài nhà nước hoạt động. VPCC thực hiện chức năng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của các hợp đồng và giao dịch bằng văn bản, và tính chính xác, hợp pháp không trái đạo đức của bản dịch được quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Công Chứng 2014. Từ đó có thể tránh được những rủi ro pháp lý cho chủ thể có quyền, hạn chế tranh chấp có thể xảy ra ở mức thấp nhất, quyền lợi và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân cũng được bảo vệ. Với tầm quan trọng này Luật Công chứng 2014 và pháp luật có liên quan cần thiết phải quy định chặt chẽ về cơ cấu, tổ chức, điều kiện thành lập của VPCC... Tuy nhiên khi nghiên cứu về điều kiện thành lập VPCC tác giả nhận thấy còn khá nhiều điểm hạn chế, chẳng hạn như quy định về loại hình hoạt động của VPCC một cách quá cứng nhắc, cách đặt tên VPCC chưa phát huy được hiệu quả hoạt động của VPCC, quy định nhiều trường hợp bất hợp lý phải thay đổi tên VPCC, vẫn còn nhiều điểm phải bàn về quy định người đại diện theo pháp luật của VPCC... Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ phân tích những điểm hạn chế nêu trên và đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục những bất cập về điều kiện thành lập VPCC hiện nay.

Từ Khóa: Công chứng, điều kiện thành lập, văn phòng công chứng

Trích dẫn: Nguyễn Hồng Chi, 2022. Bật cập trong quy định pháp luật về điều kiện thành lập văn phòng công chứng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 15: 140-153.

*Ths. Nguyễn Hồng Chi – Giảng viên Bộ môn Luật, Trường Đại học Tây Đô

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công chứng là một ngành nghề kinh doanh có điều kiện, được quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư 2020, ban hành kèm theo phụ lục IV về danh mục các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo đó, muốn hoạt động nghề công chứng phải tuân thủ theo trình tự, thủ tục và những điều kiện nhất định theo quy định pháp luật.

Sau 16 năm triển khai thực hiện xã hội hóa hoạt động công chứng theo quy định của Luật Công chứng năm 2006, Luật Công chứng năm 2014 (sửa đổi), trên cả nước có 2.709 công chứng viên đang hành nghề tại 1.134 tổ chức hành nghề công chứng, trong đó có 118 Phòng công chứng là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp do Nhà nước thành lập và 1.016 VPCC được Nhà nước cho phép thành lập trên cơ sở đề nghị của các công chứng viên khi đủ các điều kiện theo quy định. Hoạt động công chứng đã được xã hội hóa mạnh mẽ với việc hình thành các VPCC trên khắp cả nước.¹ Điều đó chứng minh hoạt động công chứng đã và đang khẳng định vị trí, tầm quan trọng trong đời sống xã hội, trở thành nhu cầu giao dịch thường xuyên, không thể thiếu của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp... Hoạt động công chứng có ý nghĩa rất lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững an ninh, an toàn và ổn định trật tự của đất nước thông qua việc bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Các công chứng viên còn

được ví như những “thẩm phán phòng ngừa” là hoàn toàn có căn cứ.

Tuy nhiên, từ khi Luật Công chứng 2014 có hiệu lực cho đến nay đã bộc lộ nhiều những bất cập làm cho người dân và cả các cá nhân, tổ chức hành nghề công chứng gặp không ít khó khăn khi thực thi pháp luật, đặc biệt là những hạn chế trong quy định về điều kiện thành lập VPCC, chẳng hạn như quy định về cách đặt tên VPCC, về loại hình hoạt động của VPCC, quy định về sửa đổi tên VPCC... Trên cơ sở nghiên cứu Luật Công chứng 2014 và pháp luật có liên quan nhằm tìm ra những bất cập về điều kiện thành lập VPCC. Đồng thời phân tích, so sánh giữa quy định hiện hành và thực tế về điều kiện thành lập VPCC hiện nay để có cái nhìn chính xác về những tồn tại pháp luật đang diễn ra, để có thể đưa ra những giải pháp khách quan về Điều kiện thành lập VPCC hiện nay.

2. NỘI DUNG VẤN ĐỀ

2.1. Khái niệm Văn phòng công chứng

Tại khoản 1 Điều 22 Luật Công chứng 2014 quy định: “*Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đối với loại hình công ty hợp danh.*”

Văn phòng công chứng phải có từ hai công chứng viên hợp danh trở lên. Văn phòng công chứng không có thành viên góp vốn”.

¹ Bình An, 2020. Đẩy mạnh việc chuyển đổi hoạt động của văn phòng công chứng, <https://baophapluat.vn/day-manh-viec-chuyen-doi->

hoat-dong-cua-cac-phong-cong-chung-post357030.html, [truy cập ngày 20/3/2022]

Qua quy định này có thể thấy VPCC là một trong những đơn vị, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp phép để hoạt động trong lĩnh vực công chứng, VPCC được xem như một tổ chức dịch vụ hành chính công và được thành lập, hoạt động theo quy định của Luật Công chứng 2014 cùng với Luật Doanh nghiệp 2020 và những văn bản pháp luật có liên quan đến hình thức công ty Hợp danh. Nhận thấy, VPCC là doanh nghiệp, trong đó có ít nhất hai công chứng viên hợp danh trở lên thành lập, được tổ chức theo loại hình công ty Hợp danh, thực hiện các hoạt động công chứng theo quy định của pháp luật. Thực hiện chức năng thay nhà nước chứng nhận tính xác thực và hợp pháp của hợp đồng, giao dịch, bản dịch. Tại khoản 4 Điều 22 Luật Công chứng 2014 quy định VPCC còn có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ tài chính bằng nguồn thu từ phí công chứng với thù lao công chứng và các nguồn thu khác theo quy định.

Có thể thấy, sự xuất hiện của VPCC đánh dấu bước phát triển xã hội, dần xóa đi độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực công chứng. Nhà nước không độc quyền trong cung ứng dịch vụ công chứng, mà thực hiện chia sẻ cho các chủ thể ngoài nhà nước thực hiện, nhà nước chỉ đóng vai trò duy nhất là người thực hiện quản lý chung. Việc thực hiện bất kỳ mô hình nào cũng không tránh khỏi những sai sót, cần phải sửa đổi, bổ sung không ngừng để hoàn thiện. Hiện nay vẫn còn tồn tại song song hai hệ thống bên cạnh các Phòng Công chứng nhà nước đã thành lập, với các Công chứng viên nhà nước là các VPCC mới thành lập hoặc được chuyển

đổi, ngày càng nhân rộng với các Công chứng viên hành nghề hoạt động nghề nghiệp dưới sự quản lý của pháp luật.

Hiện nay dù đang còn nhiều khó khăn trong tổ chức, hoạt động, song VPCC thực sự đã góp phần đảm bảo môi trường pháp lý cho các giao dịch dân sự, thương mại..., giúp phòng ngừa tranh chấp và vi phạm pháp luật, tạo sự ổn định cho trật tự xã hội. Và quan trọng hơn pháp luật ghi nhận sự tồn tại của VPCC đã góp phần mở rộng dân chủ, tạo điều kiện để người dân dần dần hình thành ý thức sử dụng các công cụ pháp lý để bảo vệ mình trong đời sống dân sự, đồng thời người dân dần ý thức quyền và nghĩa vụ của mình tốt hơn khi tham gia bất kỳ giao dịch nào.

2.2. Quy định pháp luật về điều kiện thành lập Văn phòng công chứng

2.2.1. Điều kiện về loại hình doanh nghiệp

Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Công chứng 2014 thì: “VPCC được thành lập dưới loại hình công ty hợp danh. VPCC phải có từ hai công chứng viên hợp danh trở lên. VPCC không có thành viên góp vốn”. Quy định này cũng hoàn toàn phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 177 Luật Doanh nghiệp 2020 về số lượng tối thiểu thành viên hợp danh trong công ty hợp danh. Đây là sự khác biệt so với Luật Công chứng 2006 về loại hình doanh nghiệp hoạt động của VPCC. Có thể nói, Công ty hợp danh là hình thức pháp lý duy nhất được áp dụng đối với VPCC, đây là loại hình công ty đối nhân, được xây dựng dựa trên nền tảng sự quen biết, tin tưởng giữa các thành viên trong công ty. Các thành viên công ty hợp danh

liên đới và chịu trách nhiệm vô hạn đối với mọi nghĩa vụ tài sản với người thứ ba. Trường hợp tài sản của công ty không đủ để trả nợ thì các thành viên hợp danh phải mang tài sản thuộc sở hữu riêng của mình để thực hiện nghĩa vụ của công ty, các thành viên hợp danh được xem như là những người liên đới chịu trách nhiệm vô hạn bằng tài sản của mình, được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 177 Luật Doanh nghiệp 2020.

2.2.2. Điều kiện về người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng

Tại khoản 2 Điều 22 Luật Công chứng 2014 quy định: “*Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng là Trưởng Văn phòng. Trưởng Văn phòng công chứng phải là công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng và đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên.*”

Trước khi có thể trở thành Trưởng VPCC thì điều kiện tiên quyết bắt buộc phải là công chứng viên, tại Điều 8 Luật Công chứng 2014 quy định khá chặt chẽ về tiêu chuẩn của một công chứng viên, cụ thể:

“*Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được xem xét, bổ nhiệm công chứng viên:*

+ *Có bằng cử nhân luật;*

+ *Có thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật;*

+ *Tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng quy định tại Điều 9 của Luật này hoặc hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Công chứng 2014;*

+ *Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng;*

+ *Bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng.*”

Ngoài tiêu chuẩn để trở thành một công chứng viên nêu trên thì Trưởng VPCC phải có kinh nghiệm công tác, cụ thể là hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên và phải là công chứng viên hợp danh của VPCC. Quy định này hoàn toàn phù hợp vì hoạt động công chứng đòi hỏi sự am hiểu pháp luật và cả kinh nghiệm thực tế để xử lý hồ sơ công chứng, yêu cầu đối với Trưởng VPCC thì càng hợp lý.

2.2.3. Điều kiện về tên gọi của Văn phòng công chứng

Quy định về tên gọi của VPCC được quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Công chứng 2014, cụ thể: “*Tên gọi của Văn phòng công chứng phải bao gồm cụm từ “Văn phòng công chứng” kèm theo họ tên của Trưởng Văn phòng hoặc họ tên của một công chứng viên hợp danh khác của Văn phòng công chứng do các công chứng viên hợp danh thỏa thuận, không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức hành nghề công chứng khác, không được vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.*”

Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 79 Luật Công chứng 2014 quy định: “*...trường*

hợp thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật này thì phải thay đổi tên gọi của Văn phòng công chứng phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 22 của Luật này”. Theo đó, Khoản 2 Điều 24 Luật Công chứng quy định “*Văn phòng công chứng thay đổi tên gọi, trụ sở hoặc Trưởng Văn phòng công chứng thì được Sở Tư pháp cấp lại giấy đăng ký hoạt động trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do*”. Có thể thấy, hiện nay luật hiện hành quy định về cách đặt tên VPCC có nhiều điểm khác biệt so với Luật Công chứng cũ, đồng thời quy định khá nhiều trường hợp phải thay đổi tên gọi VPCC.

2.2.4. Điều kiện về trụ sở của Văn phòng công chứng

Tại khoản 1 Điều 17 Nghị định 29/2015/NĐ – CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Công Chứng quy định về trụ sở của VPCC như sau:

“Trụ sở của Văn phòng công chứng phải có địa chỉ cụ thể, có nơi làm việc cho công chứng viên và người lao động với diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các đơn vị sự nghiệp, có nơi tiếp người yêu cầu công chứng và nơi lưu trữ hồ sơ công chứng.

Công chứng viên thành lập Văn phòng công chứng nộp các giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng tại thời điểm đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.

Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện về trụ sở của Văn phòng công chứng khi thực hiện đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng.”

Khi có nhu cầu thay đổi trụ sở, VPCC phải có văn bản gửi Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Tư pháp xem xét, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của VPCC. Việc thay đổi trụ sở của Văn phòng công chứng sang huyện, quận, thị xã, thành phố khác trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đã ra quyết định cho phép thành lập phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển tổ chức hành nghề công chứng. Có thể thấy pháp luật quy định khá chặt chẽ về việc thành lập cũng như thay đổi trụ sở của VPCC.

2.2.5. Điều kiện về con dấu của Văn phòng công chứng

Trong hoạt động công chứng, con dấu có ý nghĩa vô cùng quan trọng, bởi, văn bản công chứng chỉ có hiệu lực kể từ ngày được công chứng viên ký và đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng. Để xác nhận tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật hoặc khi có yêu cầu của người yêu cầu công chứng.

Tại khoản 4, 5 Điều 22 Luật Công chứng 2014 quy định cụ thể: “*...Văn phòng công chứng có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính bằng nguồn thu từ phí công chứng, thù lao công chứng và các nguồn thu hợp pháp khác.*

Văn phòng công chứng sử dụng con dấu không có hình quốc huy. Văn phòng công chứng được khắc và sử dụng con dấu sau khi có quyết định cho phép thành lập. Thủ tục, hồ sơ xin khắc dấu, việc quản lý, sử dụng con dấu của Văn phòng công chứng được thực hiện theo quy định của pháp luật về con dấu.”

Quy định này hoàn toàn phù hợp với pháp luật doanh nghiệp, cụ thể tại Điều 43 Luật Doanh nghiệp 2020 về dấu doanh nghiệp. Theo đó, VPCC có quyền có con dấu riêng. VPCC được khắc và sử dụng con dấu sau khi có quyết định cho phép thành lập, tự quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của văn phòng. Nội dung con dấu phải thể hiện được Tên Văn phòng công chứng, Mã số Văn phòng công chứng.

2.3. Một số khó khăn, vướng mắc về điều kiện thành lập Văn phòng công chứng

2.3.1. Bất cập quy định về mô hình tổ chức của VPCC chỉ là công ty hợp danh

Việc quy định loại hình hoạt động của VPCC chỉ là công ty hợp danh một mặt đã hạn chế đi quyền tự do lựa chọn mô hình hoạt động của doanh nghiệp, điều này đi ngược lại với tinh thần tự do kinh doanh của pháp luật doanh nghiệp. Mặt khác, với mô hình công ty hợp danh mà không có thành viên góp vốn, một lần nữa Luật Công chứng 2014 cho thấy điểm bất cập trong việc “áp đặt” mô hình hoạt động cho VPCC. Bởi VPCC cũng là một loại hình doanh nghiệp, hoạt động trên nguyên tắc tự chủ tài chính và lợi nhuận có lẽ là mục tiêu đầu tiên mà các công chứng viên hướng tới khi thành lập hoặc

nhận chuyên nhượng VPCC. Lợi nhuận được đánh đổi bằng chính những rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động công chứng. Đến đây chúng ta đừng nhầm lẫn cho rằng với chức năng hỗ trợ tư pháp của hoạt động công chứng thì VPCC hoạt động với mục tiêu phi lợi nhuận. Bởi vì theo quy định của Luật Công chứng 2014 thì ngoài các công chứng viên tham gia thành lập VPCC, còn có các công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng cho tổ chức hành nghề công chứng. Nếu không vì mục tiêu lợi nhuận thì chắc chắn sẽ không có công chứng viên nào bỏ vốn ra để thành lập VPCC hoặc nhận chuyên nhượng VPCC.

Vì vậy, tác giả cho rằng để phát triển lợi nhuận thì việc tìm kiếm nguồn vốn thông qua hình thức “góp vốn” vào công ty hợp danh cụ thể là VPCC không gì là bất hợp lý, điều này không hề ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động công chứng. Việc tồn tại thành viên góp vốn cũng không ảnh hưởng đến tính khách quan trong hoạt động công chứng. Bởi Luật Công chứng năm 2014 quy định chặt chẽ về quyền hạn, nhiệm vụ của Công chứng viên. Thông qua các nguyên tắc hành nghề công chứng. Bên cạnh nghĩa vụ phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, khách quan, trung thực, tuân theo quy tắc đạo đức hành nghề công chứng và chịu trách nhiệm trước pháp luật và người yêu cầu công chứng về văn bản công chứng. Công chứng viên với vai trò là “thẩm phán phòng ngừa”, không thể chịu bất cứ tác động hay lý do gì làm ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động công chứng. Đặc biệt trong nguyên tắc hành nghề công chứng, Công chứng viên là người chịu trách

nhệm trước pháp luật về quyết định có hay không việc thực hiện công chứng hay chứng thực, cho nên Công chứng viên không thể vì bị chi phối hoặc áp đặt mà gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi về mình.

2.3.2. *Bất cập về cách đặt tên và quy định đổi tên Văn phòng công chứng*

Theo quy định hiện nay tên gọi VPCC phải gắn liền với tên gọi của Trường VPCC hoặc theo thỏa thuận của các công chứng viên hợp danh của VPCC. Có một thực tế là tên gọi của cá nhân hoàn toàn có thể bị trùng nhau. Mặc dù luật có quy định các công chứng viên hợp danh có thể thỏa thuận, không hoàn toàn phải lấy tên của Trường văn phòng. Nhưng đa số thực tế các VPCC đều lấy tên của Trường Văn phòng làm tên của VPCC, và có rất nhiều VPCC chỉ có 02 công chứng viên hợp danh. Nếu tên của VPCC này mà trùng với tên của VPCC khác thì tên của các VPCC trong các trường hợp này sẽ xác định như thế nào? Pháp luật không hướng dẫn cách đặt tên VPCC trong trường hợp này. Đặc biệt là VPCC thành lập sau, nếu chỉ có 02 chứng viên hợp danh thì khả năng trùng tên với VPCC đã thành lập là hoàn toàn có thể xảy ra.

Bên cạnh đó, VPCC hoạt động như một doanh nghiệp với hình thức là công ty hợp danh, nếu tên gọi phải kèm theo tên của Công chứng viên thì khi thay đổi Công chứng viên, Văn phòng buộc phải thực hiện thêm thủ tục đổi tên VPCC. Việc đổi tên VPCC làm phát sinh thêm các thủ tục hành chính như đăng ký lại mẫu con dấu, thông báo với cơ quan thuế, treo lại biển hiệu, đăng báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động,... làm phát sinh

thêm chi phí và công sức cho cả VPCC, các cơ quan liên quan và còn nhiều vấn đề phát sinh sau khi chuyển đổi tên. Chẳng hạn như, việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng được thực hiện tại tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng đó, việc cấp bản sao văn bản công chứng do tổ chức hành nghề công chứng đang lưu trữ bản chính văn bản công chứng đó thực hiện, việc lưu trữ hồ sơ là 20 năm. Như vậy, việc quy định đặt tên của văn phòng công chứng hiện nay sẽ gây khó khăn cho người yêu cầu công chứng khi muốn xác định được VPCC nào đã thực hiện việc công chứng trong trường hợp tên VPCC thay đổi nhiều lần và có thể cùng với đó là thay đổi địa chỉ trụ sở của VPCC.

Trong trường hợp tên gọi của VPCC thay đổi do VPCC tự đề nghị hoặc VPCC phải đổi tên khi thay đổi Trường VPCC thì không có gì bàn cãi, nhưng hiện nay tại khoản 2 Điều 24 Luật Công chứng 2014 lại quy định việc thay đổi trụ sở VPCC thì phải thay đổi luôn tên gọi VPCC là không hoàn toàn hợp lý.

Mặt khác, khi VPCC được chuyển nhượng, thì buộc đổi tên VPCC theo tên của một công chứng viên hợp danh nhận chuyển nhượng, trong khi đó thương hiệu cũng là một trong những yếu tố quyết định giá chuyển nhượng. Trong hoạt động kinh doanh, thương hiệu, uy tín doanh nghiệp được xem là một trong những “tài sản” quý giá của doanh nghiệp. Giá trị thương hiệu của VPCC tạo nên niềm tin đối với người yêu cầu công chứng khi họ lựa chọn công chứng hoặc chứng thực tại VPCC của mình.

Song, hiện nay quy định của Luật Công chứng 2014 cho phép tồn tại 02 kiểu đặt tên VPCC theo quy định tại khoản 2 Điều 79. Theo đó, các VPCC được thành lập và hoạt động trước ngày Luật Công chứng năm 2014 có hiệu lực thì được giữ nguyên tên gọi đã đăng ký, tức là không phải đặt theo tên của công chứng viên hợp danh, chỉ trong trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng công chứng hoặc địa chỉ trụ sở, thì phải đồng thời thay đổi tên VPCC phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Như vậy theo tác giả với việc tồn tại song song 02 kiểu đặt tên VPCC như hiện nay sẽ gây “hoang mang” cho người dân khi nhận biết tên các VPCC và thực hiện hoạt động công chứng.

Cuối cùng, tác giả cho rằng Luật Công chứng 2014 cần phải sửa đổi quy định về cách đặt tên VPCC như hiện nay, bởi vì thực tế tồn tại quá nhiều điểm bất hợp lý.

2.3.3. Bất cập trong quy định về người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng

Một trong các điều kiện thành lập VPCC là yêu cầu phải có tối thiểu 02 Công chứng viên hợp danh, và người đại diện theo pháp luật của VPCC là Trưởng VPCC. Trưởng VPCC phải là Công chứng viên hợp danh của VPCC và đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên. Có thể thấy, với quy định này Trưởng VPCC phải đảm bảo được về tiêu chuẩn của một Công chứng viên theo quy định tại Điều 8 Luật Công chứng 2014, đồng thời phải đảm bảo cả về kinh nghiệm làm việc thực tế 02 năm hoạt động trong lĩnh vực công chứng, quy định này là hợp lý với yêu cầu của một Công chứng viên là

Trưởng Văn Phòng. Luật cũng quy định cả trường hợp nếu các Công chứng viên hợp danh của VPCC đều thỏa điều kiện về kinh nghiệm làm việc theo quy định, thì có thể thỏa thuận với nhau về việc ai sẽ là Trưởng Văn phòng. Điều này có ý nghĩa quan trọng bởi Công chứng viên là Trưởng Văn phòng sẽ được đặt tên VPCC theo tên mình, đứng gốc độ khác, đây cũng là quá trình mà Công chứng viên, người hoạt động trong lĩnh vực công chứng luôn “phấn đấu”.

Trưởng VPCC là người đại diện theo pháp luật của VPCC đây cũng là điều kiện bắt buộc nằm trong hồ sơ xin thành lập VPCC. Ngoài chức năng, nhiệm vụ của một Công chứng viên thì Trưởng Văn phòng còn quyết định mọi vấn đề quan trọng của Văn phòng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Luật Công chứng 2014 chỉ đưa ra quy định về tiêu chuẩn của một công chứng viên tại Điều 8, những quy định ràng buộc hay hạn chế tư cách làm Trưởng VPCC hoàn toàn không có. Với chức năng và nhiệm vụ của Trưởng văn phòng, đồng thời với tư cách là người đại diện theo pháp luật của một tổ chức hành nghề công chứng. Tác giả cho rằng cần phải có quy định chặt chẽ hơn, không đơn thuần chỉ là thỏa thuận giữa các công chứng viên đã đủ điều kiện.

Một trong những vấn đề cần cân nhắc là quy định về độ tuổi của Công chứng viên là trưởng văn phòng, theo quy định hiện nay thì chỉ cần thỏa yêu cầu về tiêu chuẩn theo Điều 8 Luật Công chứng năm 2014 đều có thể làm hồ sơ để xin hành nghề công chứng, luật không đề cập đến vấn đề về hạn chế độ tuổi của Công chứng viên, khi đó những người cao tuổi 70 – 80

tuổi hoặc hơn thế vẫn có thể hành nghề công chứng. Theo quy định tại Điều 169 Bộ Luật Lao động 2019 về độ tuổi nghỉ hưu là 60 tuổi 3 tháng đối với nam và 55 tuổi 4 tháng đối với nữ. Một số lĩnh vực còn có quy định về độ tuổi nghỉ hưu khác nhau, chẳng hạn trong lĩnh vực giáo dục, thời gian kéo dài làm việc đối với giảng viên có trình độ tiến sĩ là không quá 5 năm; đối với giảng viên có chức danh phó giáo sư là không quá 7 năm và đối với giảng viên có chức danh giáo sư là không quá 10 năm². Có thể thấy điều kiện về độ tuổi là điều kiện cần thiết đối với người hành nghề nói chung và hành nghề công chứng nói riêng. Cho nên cần phải xem xét lại vấn đề độ tuổi đối với Công chứng viên, đặc biệt Công chứng viên là Trưởng VPCC vì ngoài chuyên môn nghiệp vụ, tình trạng sức khỏe của Công chứng viên cũng rất quan trọng. Nếu Công chứng viên vì lý do sức khỏe không thể tiếp tục làm việc, công tác thì VPCC phải làm thủ tục đổi tên VPCC theo quy định.

3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

3.1. Bổ sung mô hình hoạt động cho Văn phòng công chứng, ghi nhận quyền tự do lựa chọn mô hình hoạt động của Văn phòng công chứng theo quy định pháp luật

Trong những quyền tự do kinh doanh thì quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp hoạt động được pháp luật ghi

nhận, không ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của chủ thể khác trong xã hội, không xâm phạm tới lợi ích của cộng đồng. Hoạt động công chứng cũng không phải ngoại lệ. Cho nên cần phải loại bỏ tư duy này ra khỏi Luật Công chứng 2014, bằng việc quy định cho phép Công chứng viên được phép lựa chọn mô hình hoạt động của VPCC. Luật Công chứng 2014 phải sửa đổi theo hướng thừa nhận thành viên góp vốn trong VPCC hợp danh và cả loại hình Doanh nghiệp tư nhân như Luật Công chứng 2006 đã từng quy định. Có như vậy mới khắc phục được nguyên nhân làm cho hệ thống VPCC hoạt động thiếu tính bền vững.

Đương nhiên với mô hình Công ty hợp danh (bao gồm cả Công chứng viên hợp danh và hợp vốn), thành viên hợp danh có tư cách pháp nhân chịu trách nhiệm vô hạn đối với hoạt động của VPCC trên cương vị của Công chứng viên hợp danh. Thành viên hợp vốn, không có tư cách pháp nhân chịu trách nhiệm hữu hạn trong số vốn góp vào VPCC. Điều này sẽ xóa bỏ đi mâu thuẫn trong pháp luật doanh nghiệp và Luật Công chứng hiện hành. Mặt khác, thành viên góp vốn có thể hoạt động công chứng tại VPCC của mình với tư cách như Công chứng viên làm việc theo hợp đồng. Theo đó, nếu thành viên hợp vốn muốn chuyển nhượng hoặc để lại thừa kế phần vốn góp của mình cho người khác cũng không làm ảnh hưởng tới sự tồn tại của VPCC. Điều này Luật Công chứng 2014 chưa làm được.

² Khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 141/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục Đại học

Việc ghi nhận thành viên hợp vốn vào Công ty hợp danh của VPCC, mặc dù Công chứng viên hợp vốn chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn đã góp. Điều này không có nghĩa sẽ giới hạn trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại do hành vi của Công chứng viên gây ra. Bên cạnh đó, Công chứng viên với tư cách là chủ thể của hành vi trái pháp luật sẽ phải chịu trách nhiệm trực tiếp, vô hạn trước người sử dụng dịch vụ công chứng. Vấn đề này đã được quy định chặt chẽ trong Luật Công chứng 2014 và Bộ luật dân sự 2015. Mặt khác, VPCC cũng hoàn toàn có thể hoạt động theo loại hình Doanh nghiệp tư nhân, VPCC do một Công chứng viên làm chủ không thể đồng nhất với VPCC có duy nhất một Công chứng viên hành nghề. Chủ VPCC hoàn toàn có thể thuê các Công chứng viên làm việc theo hợp đồng, quyền hạn và trách nhiệm đã được cụ thể hóa trong Luật Công chứng 2014.

Từ những quan điểm như trên, tác giả đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 22 Luật Công chứng 2014 như sau: *“1. Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác về loại hình doanh nghiệp.”*

3.2. Sửa đổi quy định về cách đặt tên Văn phòng công chứng, xóa bỏ quy định thay đổi tên Văn phòng công chứng trong những trường hợp không cần thiết

Như tác giả đã phân tích, cách đặt tên của VPCC hiện nay theo quy định của Luật Công chứng 2014 tồn tại quá nhiều điểm bất cập, như khả năng trùng tên giữa các VPCC với nhau mà luật chưa dự liệu,

chưa kể đến việc quy định đổi tên VPCC trong các trường hợp không cần thiết. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho hoạt động công chứng rối ren. Không chỉ làm ảnh hưởng đến chất lượng công chứng, làm giảm số lượng người yêu cầu công chứng vì họ không biết VPCC “quen thuộc” hiện đã đổi tên hoặc đổi trụ sở và đã thực hiện đổi luôn tên vì Luật bắt buộc. Điều này làm ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của VPCC. Trong hoạt động kinh doanh, thương hiệu, uy tín doanh nghiệp được xem là một trong những “tài sản” quý giá của doanh nghiệp. Giá trị thương hiệu của VPCC tạo nên niềm tin đối với người yêu cầu công chứng khi họ lựa chọn công chứng hoặc chứng thực tại VPCC của mình. Mặt khác thương hiệu cũng là một trong những yếu tố quyết định giá chuyển nhượng. Tác giả cho rằng cần phải kịp thời sửa đổi những quy định liên quan đến cách đặt tên, cũng như những hạn chế tối đa việc đổi tên của VPCC. Theo đó, tác giả đề xuất phải cần sửa đổi khoản 3 Điều 22 Luật Công chứng như sau:

“3. Tên gọi của Văn phòng công chứng do công chứng viên lựa chọn, phải bao gồm cụm từ “Văn phòng công chứng”. Tên gọi của Văn phòng công chứng không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của tổ chức hành nghề công chứng khác, không được vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.”

Với việc sửa đổi này cho phép các VPCC được tự do lựa chọn tên VPCC của mình, cùng với việc quy định tránh gây trùng lặp giữa các VPCC khi đăng kí. Điều này hoàn toàn phù hợp với pháp luật

doanh nghiệp về cách đặt tên cũng như bảo toàn được thương hiệu trong những trường hợp thay đổi Trường VPCC hoặc chuyển nhượng VPCC, bên nhận chuyển nhượng có thể giữ lại tên thương hiệu của VPCC uy tín, lâu năm.

Đồng thời tác giả cũng đề xuất bỏ đi quy định về việc đổi tên VPCC khi thay đổi trụ sở. Thực tế có những VPCC thường không có trụ sở riêng, không phải văn phòng nào cũng thuê được địa điểm lâu dài, nếu bên cho thuê chấm dứt hợp đồng cho thuê thì văn phòng đó sẽ phải thay đổi tên gọi liên tục, quy định này rất bất hợp lý. Điều này còn ảnh hưởng đến cả việc lưu trữ hồ sơ công chứng nếu việc đổi tên và trụ sở liên tục. Theo đó tại khoản 2 Điều 24 Luật Công chứng 2014 sẽ được sửa đổi theo hướng bỏ đi cụm từ *“trụ sở hoặc Trường Văn phòng công chứng”*, vì thay đổi Trường Văn phòng công chứng cũng không cần phải đổi tên VPCC, vì tên VPCC đã được đề xuất đặt theo hướng tự do lựa chọn như đã đề cập ở trên.

Như vậy khoản 2 Điều 24 Luật Công chứng 2014 được sửa đổi như sau:

“2. Văn phòng công chứng thay đổi tên gọi thì được Sở Tư pháp cấp lại giấy đăng ký hoạt động trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

3.3. Bổ sung quy định loại trừ về người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng

Ngoài quy định về tiêu chuẩn của Công chứng viên tại Điều 8 Luật Công chứng 2014 và đã hoạt động trong lĩnh

vực công chứng 02 năm, thì theo tác giả Trường Văn phòng - người đại diện theo pháp luật của VPCC cần phải có quy định chặt chẽ hơn, không đơn thuần chỉ là thỏa thuận giữa các công chứng viên đã đủ điều kiện. Bởi, trong một VPCC nếu các Công chứng viên đều đủ điều kiện là Trường Văn phòng khi đó việc lựa chọn sẽ khó khăn. Nếu cho rằng VPCC là loại hình hợp danh, là một tổ chức “đổi nhân” các Công chứng viên hoạt động trên cơ sở uy tín, sự tin tưởng. Điều này chỉ đúng trong hoàn cảnh có tồn tại Công chứng viên “đổi vốn”. Bởi vì, đứng góc độ khác, để trở thành Trường VPCC đây cũng là quá trình mà Công chứng viên, người hoạt động trong lĩnh vực công chứng luôn “phấn đấu” mới có được. Cho nên sự thỏa thuận như đã nêu trên trong một số trường hợp lại không đạt kết quả. Tác giả cho rằng nên xóa bỏ quy định về “sự thỏa thuận” trong trường hợp này. Thay vào đó pháp luật công chứng sẽ có những quy định nghiêm khắc hơn, mang tính ràng buộc hoặc loại trừ để lựa chọn người đại diện theo pháp luật VPCC.

Tác giả đề xuất một trong những quy định ràng buộc là yêu cầu về độ tuổi của Công chứng viên là Trường văn phòng. Những người từ 70 tuổi trở lên vẫn có thể hành nghề công chứng nhưng không được là Trường VPCC, một mặt đảm bảo về khả năng sức khỏe lâu dài để đương nhiệm, vì theo quy định hiện hành một khi thay đổi Trường VPCC thì phải thay đổi tên VPCC. Mặt khác việc quy định về độ tuổi này cũng phù hợp với hệ thống pháp luật Việt Nam như tác giả đã đề cập ở phần hạn chế, để vừa sử dụng, khai thác hiệu quả nguồn lực công chứng viên có

trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn nhưng phải bảo đảm chất lượng, hiệu quả của hoạt động công chứng.

Bên cạnh đó, tác giả đề xuất bổ sung điều khoản loại trừ đối với Công chứng viên không được giữ chức vụ Trưởng VPCC khi bị miễn nhiệm rơi vào điểm e, g, h khoản 2 Điều 15 Luật Công chứng 2014 vì đã vi phạm pháp luật liên quan đến quá trình hành nghề pháp luật. Khi đó, tại khoản 2 Điều 22 Luật Công chứng 2014 sẽ được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng công chứng là Trưởng Văn phòng. Trưởng Văn phòng công chứng phải là công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng và đã hành nghề công chứng từ 02 năm trở lên. Trừ quy định tại điểm e, g, h khoản 2 Điều 15 của Luật này.”

Với việc sửa đổi này, tác giả tin rằng sẽ lựa chọn được Trưởng VPCC - người đại diện theo pháp luật của VPCC vừa thực hiện chức năng, nhiệm vụ của một Công chứng viên vừa đại diện Văn phòng quyết định mọi vấn đề quan trọng theo quy định pháp luật.

4. KẾT LUẬN

VPCC là một trong những đơn vị, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp phép để hoạt động trong lĩnh vực công chứng. Với chức năng góp phần đảm bảo an toàn pháp lý, hạn chế thấp nhất tranh chấp xảy ra, đúng với tính năng hỗ trợ tư pháp của mình. Tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các tổ chức hành nghề công chứng, đặt biệt là luôn tồn tại hoạt động song song với Phòng công chứng.

VPCC hoạt động theo quy định của Luật Công chứng 2014 cùng với Luật Doanh nghiệp 2020 và những văn bản pháp luật có liên quan đến hình thức công ty Hợp danh. Nhận thấy, việc áp dụng quy định về điều kiện thành lập VPCC còn nhiều vướng mắc, cần phải sửa đổi kịp thời để mô hình VPCC tiếp tục phát huy được vai trò của mình. Dân xoá đi độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực công chứng tiếp tục mở rộng dân chủ. Góp phần đảm bảo môi trường pháp lý cho các giao dịch dân sự, thương mại... tạo điều kiện để người dân dần hình thành ý thức sử dụng các công cụ pháp lý để bảo vệ mình trong đời sống dân sự, đồng thời ý thức quyền và nghĩa vụ của mình tốt hơn khi tham gia bất kỳ giao dịch nào.

Chính vì vậy, hoàn thiện pháp luật về điều kiện thành lập VPCC là cấp thiết, hi vọng rằng với dự thảo sửa đổi Luật Công chứng sắp tới, sẽ có những đổi mới về cách đặt tên VPCC, về điều kiện thành lập VPCC. Mặt khác, VPCC cũng là một loại hình doanh nghiệp, vấn đề thương hiệu cần phải được chú trọng, cần bãi bỏ những quy định đổi tên VPCC không cần thiết. Tôn trọng tinh thần tự do lựa chọn mô hình hoạt động doanh nghiệp của các chủ thể theo quy định pháp luật. Lựa chọn đúng đắn và hợp lý người đại diện pháp luật trong những ngành nghề mang tính chất đặc thù. Có như vậy VPCC mới có thể tồn tại “bền vững”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bình An, 2020. Đẩy mạnh việc chuyển đổi hoạt động của văn phòng công chứng, <https://baophapluat.vn/day-manh-viec-chuyen-doi-hoat-dong-cua-cac-phong-cong-chung->

post357030.html, [truy cập ngày 20/3/2022].

2. Chính Phủ, 2013. Số: 141/2013/NĐ-CP, ngày 24/10/2013. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục Đại học.

3. Chính Phủ, 2015. Số: 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/02/2015. Nghị định quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

4. Chính Phủ, 2015. Số: 29/2015/NĐ-CP, ngày 15/3/2015. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Công Chứng.

5. Chính Phủ, 2016. Số: 99/2016/NĐ-CP, ngày 01/7/2016. Nghị định quy định về quản lý và sử dụng con dấu

6. Quốc Hội, 2019. Số: 45/2019/QH14, ngày 20/11/2019. Bộ Luật Lao động.

7. Quốc Hội, 2006. Số: 82/2006/QH 11, ngày 29/11/2006. Luật Công Chứng.

8. Quốc Hội, 2014. Số: 53/2014/QH13, ngày 20/6/2014. Luật Công Chứng.

9. Quốc Hội, 2020. Số: 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020. Luật Doanh nghiệp.

10. Quốc Hội, 2020. số: 61/2020/QH14, ngày 17/6/2020. Luật Đầu tư.

**INADEQUACIES IN THE LEGAL REGULATIONS
ON CONDITIONS FOR THE ESTABLISHMENT
OF NOTARY OFFICES AND RECOMMENDATIONS
FOR LEGAL IMPROVEMENT**

Nguyen Hong Chi
Tay Do Univeristy
(Email: nhchi@tdu.edu.vn)

ABSTRACT

Currently, Notary Offices (NOs) is one of two operating forms of notarial practice organizations. Recognizing the parallel existence with the Notary Chamber, the state is gradually drawing from the notarization service provision, but it is "giving way" to non-state organizations to operate. NOs perform the function of certifying the authenticity and legality of written contracts and transactions as well as the accuracy, legality and unethicity of the translations specified in Clause 1, Article 2 of the Law on Notarization 2014. From there, it is possible to avoid legal risks for the right holder, minimize possible disputes, and protect the legitimate rights and interests of organizations and individuals. Given this importance, the Law on Notary Publication 2014 and related laws need to strictly regulate the structure, organization, and conditions of the establishment of NOs... However, when studying the conditions for the establishment of NOs, the author found that there are still many limitations, such as the regulations on the types of operation of NOs being too rigid, the naming of NOs not yet promoting the effectiveness of the NO's operations, and stipulating many unreasonable cases to change the office's name. There are still many points to discuss about the provisions of the legal representation of the NOs... Within the scope of this article, the author will analyze the above limitations and offer some recommendations to overcome these shortcomings in the current establishment conditions for NOs.

Keywords: *Notarization, notary offices, conditions for setting up a notary office*